



BẢN TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Tuần 04 (22-26/4/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH

Kinh tế - tài chính thế giới

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo đạt 2,9% trong năm nay.

Kinh tế Mỹ tăng trưởng chậm lại và lạm phát tăng nhanh hơn dự kiến, thị trường lao động vẫn mạnh mẽ.

Hoạt động dịch vụ Khu vực EURO đang hồi phục mạnh lên mức cao nhất 11 tháng, tuy nhiên khu vực sản xuất, chế tạo lại giảm xuống mức thấp nhất 4 tháng trong bối cảnh tỷ lệ nợ chính phủ thấp nhất 4 năm.

Lạm phát ở Nhật Bản có thể nhích lên nhưng triển vọng kinh tế dần ổn định.

Fed được dự báo sẽ bắt đầu cắt giảm lãi suất vào tháng 9 tới, còn ECB được dự báo sẽ cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản trong tháng 6/2024.

BOJ được dự báo sẽ tăng lãi suất lên mức 0,25% trong năm nay.

Kinh tế - tài chính, ngân hàng Việt Nam

Ngân hàng Thế giới và Standard Chartered Bank dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2024 đạt từ 5,5% đến 6%.

Bình quân bốn tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3,93% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá vàng tháng 4/2024 tăng 6,95% so với tháng trước; tăng 17,01% so với tháng 12/2023; Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 6,51% so với cùng kỳ năm trước.

Số doanh nghiệp thành lập mới trong 4 tháng đầu năm tăng 3,4% so với cùng kỳ.

Lượng trái phiếu mà các ngân hàng phát hành trong 2 tháng qua là 9.600 tỷ đồng, chiếm gần 30% tổng giá trị phát hành tính từ đầu năm, sau nhóm bất động sản.

Vượt qua một năm 2023 nhiều khó khăn, lợi nhuận của nhóm ngân hàng nhìn chung đã tăng nhanh ngay trong quý I/2024 ở mức 11%.

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng trong tuần, lãi suất VND biến động theo xu hướng tăng nhẹ ở tất cả các kỳ hạn.

Trên thị trường mở, NHNN bơm ròng 100.040 tỷ VND ra thị trường tuần qua.

Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh theo xu thế giảm.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ – HÀNG HÓA QUỐC TẾ TUẦN 04 (22-26/4/2024)

Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ		5.00%	26/07/2023	01/05/2024
ECB	EURO Zone		4.25%	14/09/2023	06/06/2024
BOJ	Nhật Bản		0.00 %	29/01/2016	26/04/2024
PBoC	Tr/Quốc		3.55 %	22/08/2022	NA
RBA	Úc		4.10%	07/11/2023	07/05/2024
BoE	Anh		4.50%	22/06/2023	09/05/2024
BOK	Hàn Quốc		3.25 %	13/01/2023	23/05/2024
BI	Indonesia		5.75%	19/10/2023	24/04/2024
BNM	Malaysia		2.50%	03/11/2022	09/05/2024
BOT	Thái Lan		2.25%	27/09/2023	12/06/2024
CBR	Nga		15.00%	15/12/2023	15/04/2024

Tỷ giá USD với một số đồng tiền chủ chốt

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/- % theo tuần	+/- % theo tháng	+/- % Y/Y
EURUSD		-1.80%	-2.79%	-3.66%
GBPUSD		-1.48%	-2.71%	-0.57%
AUDUSD		-1.78%	-2.40%	-4.72%
USDJPY		1.05%	3.69%	15.57%
USDCNY		0.28%	1.02%	5.75%
USDCAD		1.35%	2.25%	3.28%
USDRUB		1.00%	2.28%	14.36%
USDKRW		2.13%	5.02%	6.04%
DXY		1.64%	3.14%	4.95%
USDTHB		0.14%	2.78%	7.83%
USDSGD		0.92%	2.18%	2.95%

Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/- % tuần	+/- % tháng	+/- % Y/Y
United States		0.14%	0.33%	1.07%
United Kingdom		0.10%	0.14%	0.60%
Japan		0.10%	0.11%	0.40%
Australia		0.14%	0.18%	0.97%
Germany		-0.04%	0.01%	-0.01%
China		-0.01%	-0.06%	-0.55%
Singapore		0.13%	0.32%	0.59%
South Korea		0.11%	0.21%	0.27%
Taiwan		0.07%	0.33%	0.33%
Thailand		0.18%	0.26%	0.22%
Vietnam		-0.02%	0.24%	-0.63%
Hong Kong		0.06%	0.18%	0.91%
Indonesia		-0.06%	0.00%	-0.04%
Malaysia		0.04%	0.07%	0.02%
Philippines		0.39%	0.59%	0.56%

Chỉ số chứng khoán một số thị trường lớn

Chỉ số chủ chốt	+/- % 1 tuần	+/- % 1 tháng	+/- % sv đầu năm	+/- % sv 1Y	+/- % sv 3 Y
Dow Jones		-1.89%	+0.78%	+12.09%	+11.60%
S&P 500		+0.12%	+7.41%	+23.82%	+22.85%
Nasdaq		+1.26%	+7.75%	+33.42%	+15.22%
DAX		-0.18%	+6.88%	+13.26%	+17.36%
FTSE 100		+3.47%	+3.39%	+1.57%	+14.49%
CAC 40		-1.88%	+6.20%	+6.53%	+28.50%
Euro Stoxx 50		-0.64%	+9.57%	+12.83%	+24.06%
Nikkei 225		+2.22%	+18.24%	+38.86%	+33.48%
Shanghai		-1.15%	+1.50%	-9.55%	-11.17%
Hang Seng		0.00%	-1.91%	-18.19%	-41.92%
SET		+0.75%	-1.38%	-12.32%	-9.39%
KOSPI		+0.56%	+1.00%	+4.29%	-16.04%
IDX Com		-0.53%	+0.22%	+6.90%	+19.90%
PSEi		-2.39%	+3.25%	+2.74%	+1.83%

Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/- % tuần	+/- % tháng	+/- % Y/Y	3.Khoáng sản	Giá	+/- % tuần	+/- % tháng	+/- % Y/Y
Crude Oil USD/Bbl		-1.44%	8.02%	4.41%	Copper USD/Lbs		0.40%	5.07%	3.26%
Natural gas USD/MMBtu		-0.84%	-0.78%	-11.81%	Steel CNY/T		2.44%	-3.56%	-12.62%
Gasoline USD/Gal		0.51%	5.63%	-1.02%	Iron Ore USD/T		6.08%	-5.12%	-11.57%
2.Kim loại quý					Aluminum USD/T		1.24%	9.58%	4.82%
Gold USD/t.oz		0.58%	7.76%	14.87%	Tin USD/T		10.63%	15.15%	31.92%
Silver USD/t.oz		1.37%	11.25%	7.99%	Zinc USD/T		6.20%	8.77%	-1.23%
Lithium CNY/T		1.83%	-3.46%	-43.54%	Nikel USD/T		0.49%	-2.20%	-24.73%
Platinum SD/t.oz		6.73%	5.51%	-5.49%	Coal USD/T		2.63%	1.07%	-30.54%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 28/4/2024

A. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

Kinh tế toàn cầu năm nay nhiều khả năng sẽ tăng trưởng vững vàng và nhanh hơn

Theo khảo sát mới nhất của Reuters với 500 nhà nghiên cứu kinh tế tại 48 nền kinh tế, được thực hiện từ 27/3 đến 25/4/2024, Phần lớn các nhà kinh tế nhận định nền kinh tế toàn cầu năm nay có nhiều khả năng tăng trưởng vững vàng và nhanh hơn mong đợi.

Các nền kinh tế lớn

Kinh tế Mỹ tăng trưởng chậm lại và lạm phát tăng nhanh hơn dự kiến, thị trường lao động vẫn mạnh mẽ khiến Fed có thể sẽ tiếp tục trì hoãn cắt giảm lãi suất để kiểm soát lạm phát.

Kinh tế Khu vực EURO: Khu vực dịch vụ đang hồi phục mạnh lên mức cao nhất 11 tháng, tuy nhiên khu vực sản xuất, chế tạo lại giảm xuống mức thấp nhất 4 tháng trong bối cảnh tỷ lệ nợ chính phủ thấp nhất 4 năm.

Kinh tế Nhật Bản: Lạm phát có thể nhích lên nhưng triển vọng kinh tế dần ổn định.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo đạt 2,9% trong năm nay và đạt 3% vào năm 2025 và có khả năng còn cao hơn đáng kể.

Trong số các nền kinh tế lớn hơn, Mỹ và Ấn Độ được kỳ vọng sẽ đóng góp nhiều nhất vào sự phục hồi tăng trưởng cho kinh tế toàn cầu. Khu vực đồng EURO và Trung Quốc cũng không có nhiều dấu hiệu về sự suy giảm tăng trưởng.

Tuy nhiên, Tăng trưởng kinh tế mạnh hơn cũng sẽ gia tăng rủi ro lạm phát và lãi suất duy trì ở mức cao hơn trong thời gian dài hơn.

Theo số liệu điều chỉnh lại mới nhất, tăng trưởng kinh tế Mỹ trong quý I/2024 tăng 1,6% yoy - mức tăng trưởng quý thấp nhất kể từ nửa đầu năm 2022, thấp hơn hẳn quý IV/2023 (3,4%) và mức dự báo (2,5%).

Trong khi đó, lạm phát vẫn vượt dự báo khi chỉ số chi tiêu dùng cá nhân (PCE) vẫn tăng với mức PCE toàn phần tháng 3/2024 tăng 2,6% yoy, cao hơn so với tháng trước (2,5%). Đồng thời, một chỉ số quan trọng là tỷ lệ nộp đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tuần cuối tháng 4 cũng ở mức thấp nhất 2 tháng khi giảm 5000 đơn, còn 207 nghìn đơn – dưới mức dự báo 214 nghìn.

Nguồn: BLS/S&P/Tradingeconomics

Tỷ lệ nợ chính phủ đến cuối năm 2023 của khu vực EURO giảm còn 88,6% so với mức 90,8% cuối năm 2022 – đánh dấu mức thấp nhất trong vòng 4 năm qua.

Có 12 quốc gia trong khối có tỷ lệ nợ chính phủ trên 60% GDP (Pháp 110,6%, Ý 137,3%, Đức 63,6%...).

Số liệu nhà quản trị mua hàng (PMI) sơ bộ tháng 4/2024 cho thấy sự suy giảm dai dẳng của khu vực sản xuất, chế tạo dù sản lượng đã giảm với tốc độ chậm nhất trong vòng 1 năm qua và thất nghiệp đã giảm nhẹ khi PMI sản xuất: 45,6 điểm, thấp hơn mức 46,1 của tháng 3 và mức dự báo 46,5. Trong khi đó, PMI dịch vụ lại lên mức cao 52,9 điểm, vượt mức 51,5 của tháng 3/2024 khi đơn hàng mới có mức tăng nhanh nhất kể từ tháng 5/2023.

Nguồn: Eurostat/Tradingeconomics

Trong báo cáo kinh tế hàng quý mới nhất, NHTW Nhật Bản đã nâng dự báo triển vọng lạm phát lên 2,8% từ mức 2,4% cho năm tài chính 2024 và nhận định rủi ro lạm phát đang gia tăng trong năm tài chính hiện tại, kỳ vọng lạm phát sẽ được duy trì quanh mục tiêu 2% trong khoảng 5 năm tới.

Chỉ số kinh tế dẫn báo (để xác định triển vọng kinh tế trong nửa năm tới dựa trên các dữ liệu về việc làm và tâm lý tiêu dùng...) đã vượt lên gần 119 điểm từ mức 109,5 điểm hồi tháng 1/2024 – mức cao nhất kể từ tháng 8/2022. Đồng thời, theo S&P Global, khu vực dịch vụ cũng mở rộng mạnh nhất

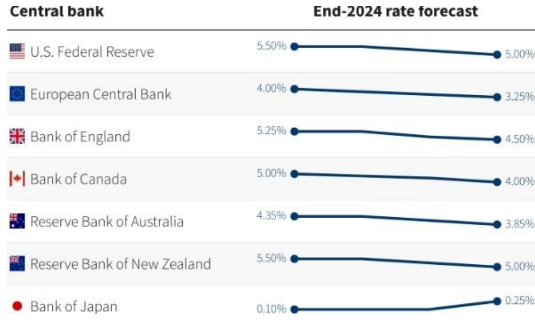
kể từ tháng 5/2023, khu vực sản xuất cũng giảm ít nhất trong vòng 11 tháng qua (PMI sơ bộ tháng 4/2024: khu vực dịch vụ 54,6 điểm, khu vực sản xuất 49,9 điểm) cho thấy kinh tế Nhật Bản đã rất gần mức hồi phục ổn định.

Nguồn: Nikkei/S&P Global

II. Thị trường tài chính

Động thái chính sách các NHTW lớn

Dự báo của Reuters về chính sách lãi suất của các NHTW lớn trong năm 2024



Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) được dự báo sẽ bắt đầu cắt giảm lãi suất vào tháng 9 và thêm một lần nữa vào quý IV, thời điểm muộn hơn nhiều so với dự báo đầu năm (bắt đầu vào tháng 3 và tổng cộng 6 lần cắt giảm lãi suất).

Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) vẫn được dự báo sẽ cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản trong tháng 6, tiếp theo là hai đợt nữa vào nửa cuối năm để hỗ trợ tăng trưởng trong khu vực dự kiến chỉ tăng trưởng trung bình 0,5% năm 2024. NHTW Nhật (BOJ) được dự báo sẽ tăng lãi suất lên mức 0,25% trong năm nay, dù trong cuộc họp chính sách tháng 4/2024, BoJ đã giữ nguyên phạm vi lãi suất 0% - 0,1%, đúng như kỳ vọng của các nhà kinh tế.

Nguồn: Nguồn: Fed/ECB/BOJ/Reuters

B. KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ TRONG NƯỚC

I. THÔNG TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2024

Ngân hàng Thế giới và Standard Chartered Bank dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2024 đạt từ 5,5% đến 6%.

Trong báo cáo công bố cuối tháng 4/2024, Ngân hàng Thế giới dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam có thể đạt 5,5% trong năm 2024 và 6% trong năm 2025; Lạm phát được dự báo sẽ tăng nhẹ từ mức bình quân 3,2% năm 2023 lên 3,5% trong năm 2024 nhưng sau đó sẽ giảm còn 3% trong năm 2025 và 2026. Động lực cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2024 vẫn là xuất khẩu, tiêu dùng và đầu tư và cả 3 đang có những dấu hiệu phục hồi tích cực.

Ngược lại, trong báo cáo kinh tế vĩ mô về Việt Nam mới nhất, Ngân hàng Standard Chartered đã hạ dự báo tăng trưởng GDP xuống mức 6% năm 2024, so với dự báo 6,7% trước đó do tăng trưởng quý I/2024 thấp hơn dự kiến và những thách thức đến từ thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, dự báo này vẫn được xem là cải thiện hơn so với mức 5,0% của năm 2023.

Nguồn: WB/Standard Chartered

Lạm phát tháng 4/2024

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Tư từ năm 2020 đến năm 2024

	Đơn vị tính: %				
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Lạm phát cơ bản tháng 4 so với tháng trước	-0,15	0,07	0,44	0,13	0,17
Lạm phát cơ bản tháng 4 so với cùng kỳ năm trước	2,71	0,95	1,47	4,56	2,79
Lạm phát cơ bản 4 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước	2,96	0,74	0,97	4,90	2,81

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2024 tăng 0,07% so với tháng trước, tăng 1,19% so với tháng 12/2023 và tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước.

Bình quân bốn tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3,93% so với cùng kỳ năm trước.

Lạm phát cơ bản tháng 4/2024 tăng 0,17% so với tháng trước và tăng 2,79% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân bốn tháng đầu năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,81% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,93%), chủ yếu do giá lương thực, xăng dầu và giá dịch vụ y tế là yếu tố tác động tăng CPI.

Biến động giá vàng trong nước cùng chiều với giá vàng thế giới. Bình quân bốn tháng đầu năm 2024 tăng 20,75%.

Chỉ số USD thế giới dao động ở mức cao, giá USD trong nước bình quân bốn tháng đầu năm 2024 tăng 4,6%.

Số doanh nghiệp thành lập mới trong 4 tháng đầu năm tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước

Trong 4 tháng đầu năm 2024, cả nước có 51,6 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký gần 510 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký gần 354 nghìn lao động, tăng 3,4% về số doanh nghiệp, tăng 9,3% về vốn đăng ký và tăng gần 7% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Bình quân một tháng có 20,3 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp của các ngân hàng

Tổng lượng trái phiếu mà các ngân hàng phát hành trong 2 tháng qua là 9.600 tỷ đồng, chiếm gần 30% tổng giá trị trái phiếu phát hành tính từ đầu năm, đứng thứ 2 sau nhóm bất động sản. Đa phần ngân hàng đều phát hành trái phiếu có kỳ hạn dài (7-10 năm) để tăng vốn cấp 2.

Kết quả kinh doanh ngân hàng quý I/2024

Đến 25/4/2024, bình quân giá vàng thế giới ở mức 2.322,36 USD/ounce, tăng 8,54% so với tháng 3/2024. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 4/2024 tăng 6,95% so với tháng trước; tăng 17,01% so với tháng 12/2023; tăng 28,62% so với cùng kỳ năm trước.

Đến 25/4/2024, chỉ số đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt quanh mức 105 điểm, tăng khoảng 1,4% so với tháng trước. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.120 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 4/2024 tăng 1,2% so với tháng trước; tăng 3,03% so với tháng 12/2023; tăng 6,51% so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn: gso.gov.vn

Trong tháng Tư, cả nước có hơn 15,3 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 175,8 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký hơn 95 nghìn lao động, tăng 8,4% về số doanh nghiệp, tăng 55% về vốn đăng ký và giảm 9% về số lao động so với tháng 3/2024.

Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 11,5 tỷ đồng, tăng gần 43% so với tháng trước và tăng 18,6% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước còn có 8.307 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng trên 175% so với tháng trước và giảm 13,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong bốn tháng đầu năm 2024 đạt 9,9 tỷ đồng, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2023.

Tính đến 24/4/2024, có 10 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong tháng 4, với tổng giá trị 9.200 tỷ đồng.

Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 4/2024, có hơn 32.000 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp đã được phát hành, chủ yếu là trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

Trong đó, các ngân hàng bắt đầu mạnh tay phát hành trái phiếu doanh nghiệp trở lại (chiếm khoảng 28,7%). Cụ thể:

- 2 tháng đầu năm, các ngân hàng không phát hành đợt nào,
- Từ cuối tháng 3/2024 đến nay, các ngân hàng bắt đầu phát hành trở lại (MB phát hành 7 đợt trái phiếu, huy động 2.800 tỷ đồng; HDBank và Techcombank huy động 3.000 tỷ đồng trái phiếu; MSB huy động 800 tỷ đồng trái phiếu).

Trong năm 2024, có 53.200 tỷ đồng trái phiếu do 16 tổ chức tín dụng phát hành đáo hạn. Lượng trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn của nhóm ngân hàng chiếm hơn 25% tổng lượng trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn năm nay.

Nguồn: HNX/VBMA

Kết quả kinh doanh của 28 ngân hàng được công bố cho thấy: Vượt qua một năm 2023 nhiều khó khăn, lợi nhuận của nhóm ngân hàng nhìn chung đã tăng nhanh ngay trong quý I/2024 ở mức 11% (đạt 72.087 tỷ đồng), cao hơn đáng kể nếu so với mức cả năm 2023 chỉ đạt 3,8%.. Chỉ có 8/28 ngân hàng ghi nhận lợi nhuận sụt giảm so với cùng kỳ.

So với cùng kỳ năm trước, Techcombank là ngân hàng có mức tăng lợi nhuận nhiều nhất, thêm gần 2.200 tỷ đồng, tiếp theo là VPBank với mức tăng hơn 1.600 tỷ đồng và LPBank với mức tăng hơn 1.300 tỷ đồng.

(theo Fiin Trade 4/2024)

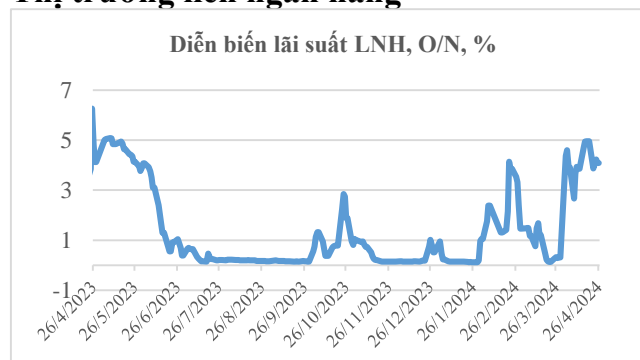
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)					
Mã	Công ty	Ngành	24Q1	23Q1	Tăng trước
VCB	Vietcombank	Ngân hàng	10718	11221	-4%
VAB	VietABank	Ngân hàng	248	245	1%
BID	BIDV	Ngân hàng	7390	6920	7%
SHB	SHB	Ngân hàng	4017	3620	11%
CTG	Vietinbank	Ngân hàng	6210	5980	4%
HDB	HDBank	Ngân hàng	4028	2743	47%
STB	Sacombank	Ngân hàng	2654	2383	11%
EIB	Eximbank	Ngân hàng	661	871	-24%
TPB	TPBank	Ngân hàng	1829	1765	4%
SSB	Seabank	Ngân hàng	1506	1070	41%
NAB	Nam A Bank	Ngân hàng	1000	763	31%
VBB	VietBank	Ngân hàng	73	197	-63%
PGB	PGBank	Ngân hàng	115	153	-25%
MSB	MSB	Ngân hàng	1530	1526	0%
ACB	ACB	Ngân hàng	4892	5156	-5%
OCB	OCB	Ngân hàng	1214	983	24%
VPB	VPBank	Ngân hàng	4182	2550	64%
TCB	Techcombank	Ngân hàng	7802	5623	39%
VIB	VIB	Ngân hàng	2500	2694	-7%
BAB	Bắc Á Bank	Ngân hàng	339	335	1%
	BaoViet Bank	Ngân hàng	8	7	16%
MBB	MB	Ngân hàng	5795	6512	-11%
LPB	LPBank	Ngân hàng	2886	1566	84%

Nguồn: Fiin Trade

II. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

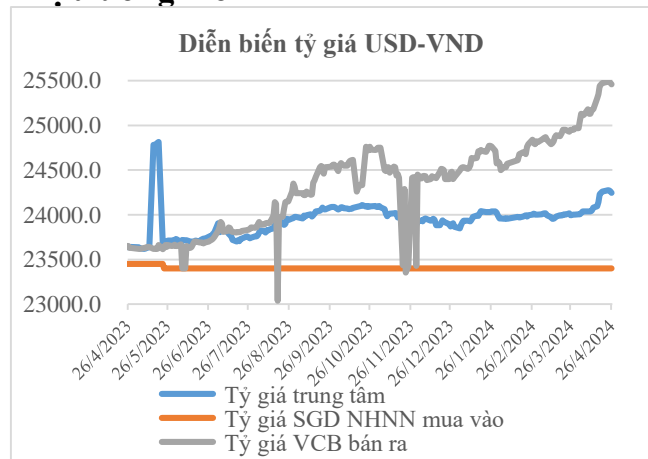
Thị trường liên ngân hàng



Thị trường tiền tệ liên ngân hàng trong tuần, lãi suất VND biến động theo xu hướng tăng nhẹ ở tất cả các kỳ hạn.

Chốt ngày 26/04/2024, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 4,78% (+0,82 điểm %); 1 tuần 4,82% (+0,68 điểm %); 2 tuần 4,92% (+0,56 điểm %); 1 tháng 4,95% (+0,37 điểm %).

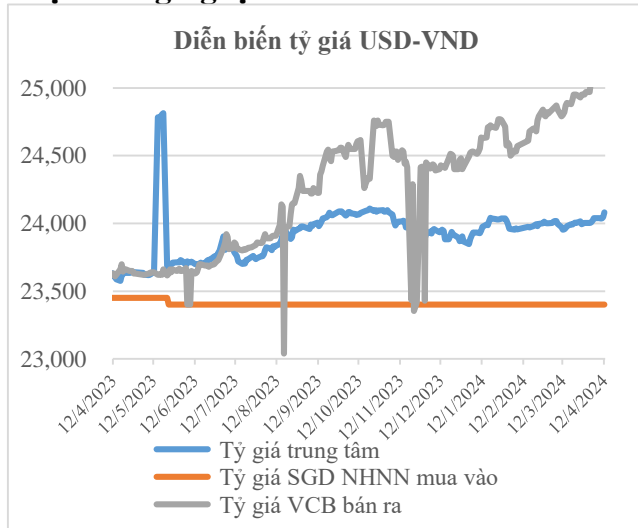
Thị trường mở



Trên thị trường mở tuần từ 22-26/4, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 14 ngày với khối lượng là 122.000 tỷ VND, lãi suất phiên đầu tuần ở mức 4,0%, các phiên sau tăng lên mức 4,25%. Có 117.805,1 tỷ đồng trúng thầu và 32.865,1 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua.

NHNN bơm ròng 100.040 tỷ VND ra thị trường trong tuần qua bằng kênh thị trường mở, khối lượng tín phiếu NHNN lưu hành giảm xuống mức 51.350 tỷ đồng, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 117.805,1 tỷ đồng.

Thị trường ngoại hối



Nguồn: NHNN, HHHH tổng hợp

Trong tuần, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng 2 phiên đầu tuần rồi giảm trở lại. Chốt ngày 26/4/2024, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.246 VND/USD, giảm 18 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Tỷ giá mua USD ở mức 23.400 VND/USD, trong khi tỷ giá bán USD được niêm yết ở mức 25.450 VND/USD qua tất cả các phiên tại Sở Giao dịch NHNN.

Tỷ giá VND-USD liên ngân hàng giảm trở lại trong tuần. Kết thúc phiên 26/4/2024, tỷ giá liên ngân hàng đóng cửa ở mức 25.334 VND/USD, giảm 116 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Nguồn: NHNN, HHHH tổng hợp

C. VĂN BẢN LIÊN QUAN BAN HÀNH, DỰ THẢO TRONG TUẦN

* VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
CP	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa	26/04/2024	10/06/2024	Hệ thống văn bản (chinhphu.vn)

* VĂN BẢN DỰ THẢO XIN Ý KIẾN

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Nguồn
NHNN	Dự thảo Thông tư Quy định về việc áp dụng lãi suất đối với tiền gửi bằng đô la Mỹ của tổ chức, cá nhân tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	(26/04/2024)	Sbv.gov.vn
NHNN	Dự thảo Thông tư Quy định về việc áp dụng lãi suất đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	(26/04/2024)	Sbv.gov.vn
NHNN	Dự thảo Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2022/TT-NHNN	(26/04/2024)	Sbv.gov.vn
NHNN	Dự thảo Thông tư Quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài	(26/04/2024)	Sbv.gov.vn
NHNN	Dự thảo Thông tư Quy định về Quỹ tín dụng nhân dân	(26/04/2024)	Sbv.gov.vn
NHNN	Dự thảo Nghị định Quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng	(25/04/2024)	Sbv.gov.vn
NHNN	Dự thảo Thông tư Quy định về phát hành chứng chỉ tiền gửi trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	(25/04/2024)	Sbv.gov.vn
TTGSNH - NHNN	Dự thảo Thông tư quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	(26/04/2024)	TTGSNH - NHNN
TTGSNH - NHNN	Dự thảo Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện nước ngoài	(24/04/2024)	TTGSNH - NHNN

HIỆP HỘI NGÂN HÀNG VIỆT NAM